TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HS-ST
Ngày: 21 - 6 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thanh Vân.

2/ Bà Đặng Thị Huê.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 105/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Dương Hồng T (tên gọi khác: Heo); giới tính: Nam; sinh năm: 1989; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 125/2A đường B, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (bị cắt khẩu năm 1999); chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Không; con ông Dương Quốc O và bà Hồ Thị Y;

Nhân thân: Ngày 15/11/2004, Dương Hồng T (chưa đủ 16 tuổi) bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 04 năm tù về tội "Giết người".

Tiền án: Ngày 25/8/2006, Dương Hồng T bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 08 năm tù về tội "Giết người". Tổng hợp hình phạt 04 năm tù của bản án trước buộc chấp hành hình phạt chung là 12 năm tù.

Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/12/2014, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 31/12/2017 cho đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Chị Nông Thị C, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã LT, huyện TL, tỉnh BT; nơi cư trú: 51-53 đường L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 40 phút ngày 31/12/2017, Dương Hồng T đang đứng trước nhà thờ N, số 277 Đường P, Phường B, Quận X thì chị Nông Thị C đi bộ đến gặp T hỏi đường đi về khu D7 xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh. Trong lúc chỉ đường cho chị C, T nhìn thấy trên cổ chị C có đeo một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, T dùng tay thò vào cổ của chị C nắm sợi dây chuyền giật mạnh nhưng sợi dây chuyền không đứt, làm chị C ngã xuống đường. T tiếp tục nắm sợi dây chuyền của chị C giật mạnh thì sợi dây chuyền đứt làm hai đoạn, T cầm một đoạn của sợi dây chuyền bỏ vào túi quần rồi bỏ chạy bộ băng qua đường Đường P hướng về đường Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8. Khi T chạy bộ đến trước quán cà phê "Sóng Nhạc" số 815 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8 thì bị chị C cùng quần chúng nhân dân truy đuổi bắt giữ cùng tang vật giao Công an Phường 5, Quận 8.

Ngày 07/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 tiến hành định giá xác định trị giá đoạn dây chuyền thu giữ nêu trên là 1.244.068 đồng.

Ngày 19/3/2018, Công an Quận 8 đã lập biên bản trả lại tài sản cho chị C. Chị C khai sợi dây chuyền chị mua trị giá 4.000.000 đồng. Chị C yêu cầu bồi thường 3.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 126/CT-VKS ngày 29/5/2018 (thay thế cho cá trạng số 75/CT-VKS ngày 05/4/2018) Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Dương Hồng T về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa,

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù theo khoản 1 Điều 136, các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Miễn áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã trả cho bị hại nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, khoảng 19 giờ 40 ngày 31/12/2017, tại trước nhà thờ Nam Hải, số 277 Đường P, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, Dương Hồng T đã có hành vi nhanh chóng dùng tay giật sợi dây chuyền kim loại màu vàng của chị Nông Thị C nhưng sợi dây chuyền không đứt làm chị C ngã xuống đường, T tiếp tục nắm sợi dây chuyền giật mạnh làm sợi dây chuyền đứt làm 02 đoạn, T cầm 01 đoạn bỏ chạy, sau đó bị quần chúng bắt giữ. Sợi dây chuyền trị giá 4.000.00 đồng. Như vậy, bị cáo đã có hành vi nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của chị C. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Xét thấy, lúc đầu bị cáo giật sợi dây chuyền không được làm cho chị Nông Thị C té ngã, bị cáo tiếp tục giật mạnh làm sợi dây chuyền bị đứt làm 02 đoạn rồi bỏ chạy. Hành vi của bị cáo là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[4] Xét thấy, năm 2006 bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết án về tội "Giết người", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/12/2014 nhưng chưa đóng án phí nên chưa được xóa án tích, nay bị cáo tiếp

tục phạm tội, hành vi của bị cáo là tái phạm, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Xét thấy, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi một phần trả cho bị hại nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này. Căn cứ vào Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điều 357, 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã trả cho bị hại nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: Theo điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Dương Hồng T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 136; các điểm g, e khoản 1 Điều 48; các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Dương Hồng T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) ; các điều 357, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Buộc bị cáo Dương Hồng T bồi thường cho chị Nông Thị C số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nông Thị C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo Dương Hồng T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- PC.53;
- Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh;
- Đội CSBV&HTTP, NTG Quận 8;
- Đội CSĐT THCA Quận 8;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (14)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bá Hiệp